

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NHÓM 1

VẤN ĐỀ VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG
TỈNH NGHỆ AN

ĐỒ ÁN KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

NGHỆ AN - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NHÓM 1

VẤN ĐỀ VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG
TỈNH NGHỆ AN

ĐỒ ÁN KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chuyên ngành: Quản lý Nhà nước

Mã học phần: SMT30001

Người hướng dẫn khoa học:
GVC, TS. Nguyễn Thị Mỹ Hương

NGHỆ AN - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Chúng em xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng nhóm chúng em. Các số liệu và tài liệu trong đề án nghiên cứu là trung thực và có dẫn nguồn cụ thể, các kết luận khoa học trong đề án là kết quả của quá trình nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc của nhóm chúng em.

Tác giả đề án

Nhóm 1

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và thực tế, nhóm chúng em đã hoàn thành đồ án học phần với đề tài “*vấn đề việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An*”.

Chúng em xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới cô giáo Nguyễn Thị Mỹ Hương đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo và đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp nhóm hoàn thiện Đồ án này.

Chúng em cũng xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo, các anh chị đã dìu dắt, hỗ trợ trong suốt khóa học. Ngoài ra, nhóm cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành của mình đến các anh chị tại đã cung cấp số liệu để tác giả hoàn thành đồ án này.

Trong thời gian thực hiện, mặc dù đã nỗ lực hết sức mình trong quá trình học tập và nghiên cứu nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế, vì vậy nhóm chúng em rất mong nhận được đóng góp ý kiến của quý thầy, cô giáo để đồ án được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

A. MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
5. Ý nghĩa đề tài nghiên cứu.....	3
6. Phương pháp nghiên cứu	4
7. Kết cấu của đề án	6
B. NỘI DUNG	7
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM	7
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.....	7
1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài	7
1.1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.....	10
1.2. Lý luận chung về vấn đề việc làm.....	12
1.2.1. Một số khái niệm liên quan.	12
1.2.2. Vai trò của việc làm đối với lao động ở tỉnh Nghệ An.....	13
1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề việc làm của người lao động ở tỉnh Nghệ An.	14
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở TỈNH NGHỆ AN ...	17
2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An.....	17
2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên của tỉnh Nghệ An	17
2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An	17
2.2. Tình hình việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An	18
2.2.1. Biến động tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An trong những năm gần đây.....	18
2.2.2. Tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An trong tương quan so sánh với các tỉnh khác	19
2.2.3. Tình hình việc làm của lao động trẻ tỉnh Nghệ An	22
2.2.4. Tình hình việc làm của lao động các dân tộc thiểu số ở tỉnh Nghệ An...	26

2.3. Đánh giá tình hình giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An.....	27
2.3.1. Những kết quả đạt được trong giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Nghệ An	27
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Nghệ An	28
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở TỈNH NGHỆ AN	29
3.1. Dự báo tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới	29
3.2. Các nhóm giải pháp tăng cường giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Nghệ An.	29
3.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lực lao động ở tỉnh Nghệ An. .	29
3.2.2. Nhóm giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ	30
3.2.3. Nhóm giải pháp đối với nông nghiệp	31
3.2.4. Nhóm giải pháp đối với Công nghiệp, Dịch vụ.....	32
3.2.5. Giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động	32
C. KẾT LUẬN	34
D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	35

A. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việc lựa chọn đề tài nghiên cứu về vấn đề việc làm của người lao động tại Nghệ An là một quyết định mang tính thời sự và thực tiễn cao. Tỉnh Nghệ An, như nhiều địa phương khác ở Việt Nam, đang đối mặt với những thách thức đáng kể liên quan đến thị trường lao động. Tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt ở nhóm lao động trẻ và người có trình độ học vấn thấp, vẫn còn cao. Bên cạnh đó, sự chênh lệch thu nhập giữa các nhóm lao động cũng là một vấn đề đáng quan tâm, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của địa phương. Nghiên cứu này không chỉ nhằm mục tiêu làm rõ hơn thực trạng việc làm tại Nghệ An mà còn hướng tới việc tìm kiếm những giải pháp cụ thể để cải thiện tình hình. Đồng thời, những kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo, cũng như phản ánh sự quan tâm của cộng đồng và chính quyền địa phương đối với vấn đề việc làm.

Trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu, chúng em sẽ tiến hành phân tích sâu hơn các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm, như chính sách hỗ trợ việc làm, cơ cấu ngành nghề, trình độ tay nghề của lao động, nghiên cứu này sẽ cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng các đề xuất chính sách phù hợp. Việc lựa chọn Nghệ An làm đối tượng nghiên cứu cũng mang đến nhiều cơ hội để khám phá những góc nhìn mới về vấn đề việc làm. Bằng cách so sánh với các địa phương khác trong khu vực, nghiên cứu có thể xác định những điểm mạnh, điểm yếu và rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu. Việc này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả quản lý lao động tại Nghệ An mà còn có thể áp dụng cho các tỉnh thành khác có điều kiện tương tự.

Cuối cùng, nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo và nâng cao năng lực của sinh viên. Qua quá trình thực hiện nghiên cứu, chúng em sẽ được rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu khoa học, phân tích số liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ trang bị cho sinh viên chúng em những hành trang cần thiết để bước vào thị trường lao động và đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Việc nghiên cứu vấn đề việc làm cho người lao động tại Nghệ An không chỉ là một yêu cầu cấp thiết của thực tiễn mà còn là một cơ hội để đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương. Chúng em tin rằng, với sự cống hiến và nỗ lực của mình, nghiên cứu sẽ góp phần tích cực vào việc giải quyết các vấn đề việc làm tại Nghệ An, nâng cao chất lượng

cuộc sống của người dân. Nghiên cứu “Vấn đề việc làm lao động tỉnh Nghệ An” hứa hẹn sẽ mang lại những kết quả có giá trị khoa học và thực tiễn, góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc liên quan đến việc làm tại Nghệ An.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu làm rõ thực trạng việc làm của người lao động tại tỉnh Nghệ An, từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực để giải quyết các vấn đề bức xúc liên quan đến thị trường lao động. Cụ thể, nghiên cứu sẽ tập trung vào việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm, phân tích các số liệu thống kê, đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ việc làm hiện hành, và đề xuất những biện pháp mới để tạo thêm việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ nghiên cứu về vấn đề việc làm của lao động tại Nghệ An đó là:

- *Thu thập các số liệu thống kê tại các nguồn chính thức như Tổng cục Thống kê, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các báo cáo nghiên cứu,...*
- *Sử dụng các phương pháp nghiên cứu để phân tích*
- *Đánh giá thực trạng vấn đề việc làm, nhận diện những khó khăn, thách thức mà người lao động đang gặp phải.*
- *Tìm hiểu về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An*
- *So sánh tình hình việc làm tại Nghệ An với các tỉnh lân cận để xác định được điểm mạnh, điểm yếu và rút ra được bài học kinh nghiệm*
- *Đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề việc làm như: Tạo thêm việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện môi trường làm việc, điều chỉnh hoàn thiện các chính sách sao cho phù hợp với tình hình thực tế.*

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: *Việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An.*

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An.*
- *Phạm vi không gian: Tỉnh Nghệ An*
- *Phạm vi thời gian: Nghiên cứu thực trạng việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019-2024 và đề xuất một số giải pháp giải quyết việc làm trong thời gian tới.*

5. Ý nghĩa đề tài nghiên cứu

5.1. Ý nghĩa lý luận

- Ý nghĩa lý luận của một đề tài nghiên cứu không chỉ đơn thuần là việc cung cấp thông tin về một vấn đề cụ thể, mà còn là việc đóng góp vào sự phát triển của các lý thuyết, mô hình và khái niệm trong một lĩnh vực nghiên cứu nhất định.

- Đề tài nghiên cứu về vấn đề việc làm của người lao động tại Nghệ An, có ý nghĩa lý luận như sau:

- Kiểm nghiệm và bổ sung các lý thuyết kinh tế lao động: Nghiên cứu này sẽ giúp kiểm nghiệm các lý thuyết kinh tế lao động về cung cầu lao động, quyết định việc làm, thất nghiệp, và các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động trong một bối cảnh cụ thể là tỉnh Nghệ An. Qua đó, có thể phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu của các lý thuyết này và đề xuất những bổ sung, điều chỉnh phù hợp.

- Đóng góp vào việc xây dựng mô hình thị trường lao động địa phương: Nghiên cứu sẽ giúp xây dựng một mô hình thị trường lao động chi tiết và chính xác cho tỉnh Nghệ An, bao gồm các mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm. Mô hình này có thể được sử dụng để dự báo tình hình thị trường lao động trong tương lai và hỗ trợ việc ra quyết định chính sách.

- Mở rộng hiểu biết về các vấn đề xã hội: Nghiên cứu sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về các vấn đề xã hội liên quan đến việc làm, như bất bình đẳng, nghèo đói, và sự phát triển bền vững. Qua đó, có thể đưa ra những giải pháp toàn diện để giải quyết các vấn đề này.

- Đóng góp vào việc phát triển các phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu có thể sử dụng các phương pháp nghiên cứu mới, kết hợp các nguồn dữ liệu khác nhau, và áp dụng các kỹ thuật phân tích tiên tiến. Điều này sẽ góp phần làm phong phú thêm kho tàng phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế lao động.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Ý nghĩa thực tiễn của một đề tài nghiên cứu là giá trị mà nghiên cứu đó mang lại cho đời sống thực tế, cụ thể là những đóng góp trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế. Đối với đề tài nghiên cứu về vấn đề việc làm của người lao động tại Nghệ An, ý nghĩa thực tiễn thể hiện rõ ở các khía cạnh sau:

- Hướng dẫn chính sách:

+ *Cung cấp cơ sở khoa học để các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, và phát triển thị trường lao động.*

+ *Đề xuất các giải pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề việc làm cấp bách tại địa phương, như giảm thất nghiệp, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc.*

- *Hỗ trợ doanh nghiệp:*

+ *Cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực, xu hướng phát triển của thị trường lao động, giúp doanh nghiệp tuyển dụng và quản lý nhân sự hiệu quả hơn.*

+ *Đề xuất các giải pháp để doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút và giữ chân nhân tài.*

- *Hỗ trợ người lao động:*

+ *Cung cấp thông tin về các cơ hội việc làm, các chương trình đào tạo nghề, giúp người lao động nâng cao kỹ năng, tìm kiếm việc làm phù hợp.*

+ *Nâng cao nhận thức của người lao động về quyền lợi và trách nhiệm của mình, giúp họ tự bảo vệ quyền lợi và hòa nhập vào thị trường lao động.*

- *Đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội:*

+ *Góp phần giảm nghèo, giảm bất bình đẳng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.*

+ *Thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững của địa phương bằng cách tạo thêm việc làm, tăng năng suất lao động.*

- *Ví dụ cụ thể về ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu:*

- *Giải pháp cho vấn đề thiếu việc làm: Đề xuất các chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, hỗ trợ khởi nghiệp cho người lao động.*

Tóm lại, ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu này là rất lớn, nó không chỉ đóng góp vào việc phát triển lý thuyết mà còn có những ứng dụng thực tế, mang lại lợi ích trực tiếp cho cộng đồng.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

❖ *Phương pháp tổng quan tài liệu*

Tổng quan tài liệu là quá trình thu thập, đọc, phân tích, đánh giá và tổng hợp các tài liệu có liên quan đến một chủ đề nghiên cứu cụ thể. Đây là một bước vô cùng

quan trọng trong quá trình nghiên cứu, giúp sinh viên nắm vững kiến thức nền tảng, xác định khoảng trống nghiên cứu và định hình hướng đi cho nghiên cứu của mình.

Cách thực hiện phương pháp tổng quan tài liệu đó là:

- Xác định vấn đề nghiên cứu ở đây là việc làm và từ khóa là “Việc làm cho người lao động ở Nghệ An”

- Thu thập tài liệu từ các nguồn như Cục Thống kê, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An hay các bài luận án có liên quan hoặc các bài báo,...

- Đọc và đánh giá các bài nghiên cứu gần đây nhất trong vòng 5 – 10 năm trở lại đây

- Tóm tắt và tổng hợp các ý chính của từng tài liệu (Nhận diện các xu hướng phát triển của vấn đề nghiên cứu theo thời gian cũng như tìm ra những vấn đề chưa được nghiên cứu đầy đủ)

❖ *Phương pháp phân tích và tổng hợp*

Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết là phân tích thành từng bộ phận các tài liệu để tìm hiểu sâu sắc về đối tượng rồi tổng hợp những thông tin đã được phân tích thành một hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và bám sát hơn vào đối tượng nghiên cứu.

Cách thực hiện phương pháp phân tích và tổng hợp đó là:

- Xác định vấn đề nghiên cứu (đối tượng và phạm vi nghiên cứu)

- Khi tìm được tài liệu thì đọc kỹ từng nội dung trong đó và phân tích cụ thể từng ý chính, các khái niệm hay các lý thuyết có liên quan

- So sánh đối chiếu các quan điểm (tìm ra điểm giống và khác nhau)

- Liên kết các ý chính thành 1 hệ thống logic và rút ra kết luận

❖ *Phương pháp thống kê*

Phương pháp thống kê là một công cụ vô cùng hữu ích trong việc phân tích và tổng hợp dữ liệu về vấn đề việc làm ở Nghệ An. Nó giúp chúng ta chuyển đổi những thông tin thu thập được thành các số liệu cụ thể, từ đó đưa ra những kết luận chính xác và có cơ sở.

Cách thực hiện phương pháp thống kê đó là:

- Thu thập dữ liệu (sử dụng dữ liệu từ các cơ sở hành chính như: Cục thống kê, Sở Lao động Thương binh và Xã hội,...)

- Loại bỏ các dữ liệu sai sót, trùng lặp

- Sử dụng các biểu đồ như cột, đường, tròn

- Phân tích dữ liệu
- Đưa ra kết luận cơ sở khoa học

6.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

❖ Phương pháp phân tích số liệu

Phân tích số liệu là quá trình thu thập, làm sạch, chuyên đổi, mô hình hóa và diễn giải dữ liệu để rút ra những thông tin có ý nghĩa.

Cách áp dụng phương pháp phân tích số liệu vào nghiên cứu đó là:

- Thu thập số liệu từ các cơ sở dữ liệu, tài liệu
- Xử lý dữ liệu nếu như dữ liệu thiếu hoặc loại bỏ các dữ liệu sai
- Sử dụng biểu đồ để mô tả dữ liệu
- Dựa vào kết quả phân tích số liệu đưa ra kết luận hợp lý có cơ sở khoa học.

7. Kết cấu của đồ án

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung của đồ án bao gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và lý luận chung về vấn đề việc làm.

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

1.2. Lý luận chung về vấn đề việc làm

Chương 2: Thực trạng việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An.

2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An

2.2. Tình hình việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An

2.3. Đánh giá tình hình giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An

Chương 3: Giải pháp giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An.

3.1. Dự báo tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới

3.2. Các nhóm giải pháp tăng cường giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Nghệ An

B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

1.1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu về việc làm

Đầu tiên là công trình nghiên cứu của tác giả TS.Tổng Văn Băng về vấn đề lao động Việt Nam làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hiệp định hợp tác lao động giữa Việt nam và các nước đây là bài luận án tiến sĩ có liên quan khá rõ về vấn đề mà mình hiện đang nghiên cứu. Khi đọc qua bài luận án của TS mình thấy được sự logic và sâu sắc trong phân tích từng ý một. Dựa vào đó, mình có thể chỉ ra được rất nhiều ưu điểm của công trình nghiên cứu này. Đầu tiên luận án nhấn mạnh rằng việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và gia đình họ. Hoạt động xuất khẩu lao động không chỉ giúp người lao động có thu nhập mà còn tạo cơ hội cho họ nâng cao tay nghề, tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế. Việc xuất khẩu lao động đã tạo ra nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước, góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của Việt Nam, không những vậy cơ chế pháp lý rõ ràng khi có Luật lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được ban hành đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động này, bảo vệ quyền lợi của người lao động. Đồng thời nhờ ký kết nhiều hiệp định hợp tác lao động với các quốc gia đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm của người lao động và bảo vệ quyền lợi.

Nhưng bên cạnh những ưu điểm thì vẫn còn một số tồn tại hay những hạn chế như thiếu sự bảo vệ quyền lợi mặc dù có các quy định, nhưng thực tế cho thấy quyền lợi của người lao động vẫn chưa được bảo vệ 1 cách đầy đủ, đặc biệt là trong các trường hợp lao động cư trú bất hợp pháp hoặc không có hợp đồng lao động rõ ràng. Thứ hai chi phí để đi làm việc ở nước ngoài khá cao, không phải ai cũng có tiền sẵn để đi được bắt buộc nhiều lao động khó khăn phải vay mượn, đặc biệt lao động phổ thông sẽ rất khó có

thể làm được. Thứ ba, cơ chế quản lý lao động còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến tình trạng một số lao động bị lừa đảo, bóc lột hoặc gặp nhiều khó khăn trong quá trình làm việc ở nước ngoài. Không những vậy, còn có những trường hợp khi kết thúc hợp đồng còn nhiều bất cập dẫn đến việc nhiều người không trở về Việt Nam

Hoặc ở Luận án: “Nghiên cứu việc làm của lao động qua đào tạo nghề ở Việt Nam” của tác giả Bùi Tôn Hiến năm 2009 đã chỉ ra những thực trạng việc làm của lao động và đưa ra những giải pháp hiệu quả nhằm phát triển việc làm cho lao động qua đào tạo nghề. Trong luận án tác giả Bùi Tôn Hiến đã chỉ ra một số thực trạng như tỷ lệ thất nghiệp cao mặc dù có sự gia tăng trong số lượng lao động đào tạo nghề, đặc biệt là các khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Nhiều lao động chưa có thông tin đầy đủ về nhu cầu việc làm, dẫn đến tình trạng không phù hợp giữa kỹ năng được đào tạo và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Một số chương trình đào tạo nghề chưa được cải thiện về chất lượng, không theo kịp sự phát triển của công nghệ và nhu cầu thị trường lao động, dẫn đến việc lao động sau đào tạo không đủ khả năng cạnh tranh. Hơn nữa, nhiều lao động qua đào tạo vẫn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc phù hợp với chuyên ngành đã học, do thiếu kinh nghiệm hoặc không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng cũng như thực trạng việc làm của lao động có sự khác biệt rõ rệt giữa vùng miền, với khu vực đô thị thường có nhiều cơ hội việc làm hơn so với khu vực nông thôn. Tình trạng một số lao động sau khi tốt nghiệp lại làm các công việc không liên quan đến chuyên ngành đã học, dẫn đến lãng phí nguồn lực đào tạo. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ cho lao động qua đào tạo nghề chưa đủ mạnh và hiệu quả. Những thực trạng ấy cần phải có những biện pháp cải thiện và trong luận án tác giả đã đưa ra rất nhiều biện pháp nhằm phát triển tiêu biểu như việc cải thiện chương trình đào tạo nghề để phù hợp với thực tế bắt buộc phải cập nhật công nghệ, phương pháp giảng dạy và nội dung đào tạo. Liên kết các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể tham gia vào quá trình thiết kế chương trình đào tạo và cung cấp cơ hội thực tập cho sinh viên hay hỗ trợ tài chính cho lao động bằng cách đề xuất các chính sách hỗ trợ như học bổng, vay vốn ưu đãi,...Đặc biệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền để tạo cơ hội việc làm cho người lao động nhằm nâng cao nhận thức, bên cạnh đó phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn và tăng cường hợp tác quốc tế nhằm học hỏi thêm kinh nghiệm và nâng cao chất lượng đào tạo.

1.1.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu về việc làm ở tỉnh Nghệ An.

Dựa vào Cổng Thông Tin Điện Tử của Sở Lao Động Thương Binh – Xã Hội tỉnh Nghệ An trong quý I/2024, Trung tâm Dịch vụ việc làm Nghệ An đẩy mạnh công tác tư vấn giới thiệu việc làm, học nghề và tiếp nhận, giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên cổng dịch vụ công Quốc gia cho lao động thất nghiệp. Trung tâm đã tư vấn nghề và việc làm cho 5.093 lao động. Trong số đó, có 1.629 người được tư vấn nghề và 3.464 người được tư vấn việc làm. Điều này cho thấy sự chú trọng vào việc cung cấp thông tin nghề nghiệp và cơ hội việc làm cho người lao động, trung tâm giới thiệu việc làm cho 770 lao động góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp trong khu vực. Trung tâm cũng tiếp nhận 3.683 hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp số lượng này cho thấy người lao động gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm nên cần được chú ý và giải quyết. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị quý I năm 2024 là 1,20% thấp hơn so với khu vực nông thôn là 2,58%. Các hoạt động của trung tâm giúp người lao động kiếm được việc làm ổn định tạo ra thu nhập cho bản thân và gia đình thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An. Cũng từ đó mà nó đặt ra thách thức đó là người lao động vẫn đang gặp khó khăn rất nhiều và cũng tạo nên cơ hội để việc tăng cường đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động sẽ là yếu tố quan trọng giúp cải thiện tình hình việc làm cho tương lai.

Theo tạp chí Lao động và Xã hội cơ quan của Bộ Lao Động – Thương Binh Và Xã Hội được viết ngày 30/9/2024 thì vấn đề việc làm ở tỉnh Nghệ An năm 2024 cho thấy nhiều tín hiệu tích cực. Tỉnh đã giải quyết việc làm cho khoảng 41.5000 người trong 9 tháng đầu năm, đạt 88,3% kế hoạch và tăng 6,12% so với kỳ năm 2023. Về hoạt động kết nối cung – cầu lao động số phiên giao dịch là 39 với sự tham gia của 255 doanh nghiệp cho thấy sự chủ động trong việc kết nối giữa người lao động và nhà tuyển dụng. Thêm vào đó là 604 lao động tham gia các phiên giao dịch cho thấy nhu cầu tìm kiếm việc làm vẫn rất cao. Chương trình hỗ trợ lao động EPS – Hàn Quốc: Sự gia tăng số lượng lao động đăng ký tham gia cho thấy nhu cầu xuất khẩu lao động đang tăng lên, với 6.261 lao động đăng ký, tăng 2.484 người so với năm trước. Tỉnh đã tư vấn cho 24.155 người, đạt 73% kế hoạch năm 2024, cho thấy sự quan tâm đến việc nâng cao kỹ năng và tìm kiếm việc làm cho người lao động. Việc giải quyết chế độ chính sách trợ cấp thất nghiệp đang giảm dần khi tổng số người nộp hồ sơ bảo hiểm thất nghiệp ít lại,

cho thấy có thể có sự cải thiện trong tình hình việc làm, nhưng cũng cần theo dõi để đảm bảo không có người lao động nào bị bỏ lại. Nhưng tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội chỉ đạt 25,12%, cho thấy cần có sự nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm xã hội và quyền lợi của người lao động.

Theo báo cáo của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam và Công văn 6282/UBND-TH ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh thì 6 tháng đầu năm 2024, có 339 doanh nghiệp cần tuyển dụng 45.049 lao động, trong đó có 314 doanh nghiệp trong tỉnh cần 36.300 lao động. Dự báo trong 6 tháng cuối 2024, nhu cầu tuyển dụng sẽ tăng lên hơn 29.945 người. Tỉnh Nghệ An hiện có hơn 15.500 doanh nghiệp với gần 350.000 lao động đang làm việc. Điều này cho thấy 1 nền kinh tế đang phát triển nhưng mức lương, thu nhập và các điều kiện an sinh xã hội tại các doanh nghiệp trong tỉnh còn thấp hơn so với khu vực phía bắc và phía nam. Điều này bắt buộc người lao động địa phương phải lựa chọn đi ra ngoài tỉnh hoặc đi làm ở nước ngoài để có thu nhập cao hơn, thêm vào đó doanh nghiệp gặp khó khăn khi thiếu lao động có tay nghề chất lượng, tình trạng này một phần do chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Sở LĐ-TB&XH đã phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức hội nghị về tình hình cung – cầu lao động, nhằm tháo gỡ khó khăn và thu hút lao động cho các doanh nghiệp. Các đơn vị đã thực hiện nhiều hoạt động truyền thông để kết nối cung cầu lao động, giới thiệu việc làm cho người lao động. Hơn nữa, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh đã thu nhập và đăng thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử, đồng thời tư vấn cho người lao động.

1.1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

1.1.2.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

- Những điểm nổi bật trong các nghiên cứu:

+ Xuất khẩu lao động: Mặc dù mang lại nhiều lợi ích như tăng thu nhập, nâng cao kỹ năng, nhưng vẫn tồn tại nhiều vấn đề như thiếu bảo vệ, chi phí cao, và rủi ro bị lừa đảo.

+ Đào tạo nghề: Tỷ lệ thất nghiệp cao, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng, thiếu liên kết giữa đào tạo và doanh nghiệp, và chính sách hỗ trợ chưa đủ mạnh.

+ Tình hình việc làm tại Nghệ An:

- **Cung - cầu lao động:** Nhu cầu việc làm lớn, đặc biệt là các khu công nghiệp. Tuy nhiên, chất lượng lao động chưa đáp ứng, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- **Xuất khẩu lao động:** Nhu cầu cao, nhưng cần nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn và hỗ trợ.

- **Đào tạo nghề:** Cần cải thiện chất lượng đào tạo, tăng cường liên kết giữa trường và doanh nghiệp.

- **Chính sách hỗ trợ:** Cần có những chính sách cụ thể, hiệu quả hơn để hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp.

- **Những vấn đề chung được đặt ra:**

- **Chất lượng lao động:** Lao động chưa có kỹ năng phù hợp với yêu cầu của thị trường.

- **Liên kết giữa đào tạo và doanh nghiệp:** Chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng cung không gặp cầu.

- **Chính sách hỗ trợ:** Chưa đủ mạnh và chưa được triển khai hiệu quả.

- **Thông tin về thị trường lao động:** Người lao động chưa có đủ thông tin để tìm kiếm việc làm phù hợp.

- **Giải pháp tổng hợp:**

+ **Cải thiện chất lượng đào tạo:**

- Cập nhật chương trình đào tạo theo nhu cầu của thị trường.

- Tăng cường thực hành và liên kết với doanh nghiệp.

- Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại.

+ **Nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm:**

- Mở rộng các kênh thông tin về việc làm.

- Tăng cường tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm.

- Hỗ trợ người lao động nâng cao kỹ năng.

+ **Hoàn thiện chính sách:**

- Có những chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp đầu tư.

- Hỗ trợ người lao động khởi nghiệp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động xuất khẩu lao động.

+ **Xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường lao động:**

- Cập nhật liên tục thông tin về nhu cầu tuyển dụng và nguồn cung lao động.

- Phân tích để đưa ra những dự báo về thị trường lao động.

- **Kết luận:**

Tình hình việc làm tại Nghệ An còn nhiều thách thức, nhưng cũng có những cơ hội. Để giải quyết vấn đề này, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo và người lao động. Việc xây dựng một hệ thống đào tạo nghề hiện đại, một thị trường lao động thông minh và một môi trường đầu tư hấp dẫn là những yếu tố quan trọng để phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh

Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Những vấn đề mà chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu thêm về tình hình việc làm cho người lao động ở tỉnh Nghệ An đó là nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp cần nghiên cứu ngành nghề nào có nhu cầu tuyển dụng lớn nhất, ngành nghề “hot” sẽ giúp định hướng cho các chương trình đào tạo nghề và việc tư vấn hướng nghiệp cho người lao động. Đồng thời nghiên cứu sâu các yêu cầu về kỹ năng mà các doanh nghiệp đang tìm kiếm để đưa ra chương trình đào tạo phù hợp. Không những vậy cần nghiên cứu kỹ cụ thể về hiệu quả các chính sách hỗ trợ việc làm đã được triển khai, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách. Nghiên cứu các kênh thông tin điện tử mà người lao động thường sử dụng để tìm kiếm việc làm, từ đó có những chiến lược truyền thông hiệu quả hơn. Tìm hiểu những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn việc làm của người lao động, chẳng hạn như mức lương, môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến.

1.2. Lý luận chung về vấn đề việc làm

1.2.1. Một số khái niệm liên quan.

Thị trường lao động là nơi mà người có nhu cầu tìm việc làm và người có nhu cầu sử dụng lao động trao đổi với nhau, mua bán dịch vụ lao động thông qua các hình thức xác định giá cả (tiền công, tiền lương) và các điều kiện thoả thuận khác (thời gian làm việc, điều kiện lao động, bảo hiểm xã hội...) trên cơ sở một hợp đồng lao động bằng văn bản hoặc bằng miệng, hoặc thông qua các dạng hợp đồng hay thoả thuận khác.

Việc làm là những hoạt động lao động được trả công bằng tiền hoặc hiện vật.

Theo Bộ luật lao động (2019) có nêu: “Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm”.

Người lao động là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động. Độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi.

Cung lao động là tổng số lượng lao động đang tham gia và sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động ở những thời điểm nhất định (thời điểm xem xét).

Cầu lao động là nhu cầu về sức lao động của một nền kinh tế (hoặc của một ngành, địa phương, doanh nghiệp...) ở một thời kỳ nhất định, bao gồm cả mặt số lượng, chất lượng, cơ cấu và thường được xác định thông qua chỉ tiêu việc làm.

Thông tin thị trường lao động là hệ thống các chỉ tiêu phản ánh trạng thái các thành tố của thị trường lao động như: cung lao động, cầu lao động, các điều kiện làm việc (tiền lương, trợ cấp...) và các trung gian thị trường lao động (các tổ chức và cơ chế hỗ trợ việc kết nối người tìm việc (sức lao động) và chỗ làm việc trống (người sử dụng lao động)).

Tư vấn việc làm là cung cấp thông tin việc làm cho người lao động tùy vào hoàn cảnh hiện tại và nhu cầu của người đó và tùy vào khả năng của trung tâm. Cung cấp tư vấn việc làm cho từng người tùy vào hoàn cảnh hiện tại và nhu cầu của người đó và tùy vào khả năng. Tư vấn về quyền lợi nghĩa vụ của người lao động tham gia làm việc. Tư vấn và hỗ trợ tìm việc làm (như: viết hồ sơ xin việc, phỏng vấn xin việc...). Tư vấn về định hướng phát triển nghề nghiệp, giới thiệu các khóa đào tạo.

1.2.2. Vai trò của việc làm đối với lao động ở tỉnh Nghệ An.

Việc làm đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống của người lao động ở tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung. Nó không chỉ cung cấp nguồn thu nhập để duy trì cuộc sống mà còn mang lại nhiều giá trị khác.

- Nguồn thu nhập chính:

- Đảm bảo cuộc sống: Tiền lương từ công việc giúp người lao động trang trải các chi phí sinh hoạt hàng ngày như ăn uống, nhà ở, giáo dục, y tế,...

- Nâng cao chất lượng cuộc sống: Thu nhập ổn định cho phép người lao động có điều kiện để cải thiện chất lượng cuộc sống, mua sắm các vật dụng cần thiết, tham gia các hoạt động vui chơi giải trí.

- Xây dựng và khẳng định bản thân:
 - Tự chủ tài chính: Việc làm giúp người lao động tự chủ về tài chính, không phụ thuộc vào người khác.
 - Phát triển kỹ năng: Trong quá trình làm việc, người lao động được rèn luyện và phát triển nhiều kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề,...
 - Tăng cường sự tự tin: Thành công trong công việc mang lại cảm giác tự hào và giúp người lao động tự tin hơn vào bản thân.
- Tích hợp vào cộng đồng:
 - Mở rộng mối quan hệ: Môi trường làm việc là nơi để người lao động giao lưu, kết nối với nhiều người khác, tạo dựng các mối quan hệ xã hội.
 - Đóng góp cho xã hội: Việc làm giúp người lao động đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.
- Đạt được các mục tiêu cá nhân:
 - Thực hiện ước mơ: Việc làm là phương tiện để người lao động thực hiện các mục tiêu cá nhân như mua nhà, mua xe, du lịch,...
 - Cải thiện cuộc sống cho gia đình: Nhiều người làm việc để có thể lo cho gia đình, nuôi dạy con cái.

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề việc làm của người lao động ở tỉnh Nghệ An.

1.2.3.1. Nhân tố chủ quan

- Trình độ học vấn

Ảnh hưởng: Người lao động có trình độ học vấn thấp thường chỉ tiếp cận được các công việc phổ thông, thu nhập thấp và bấp bênh. Trong khi đó, trình độ học vấn cao giúp tiếp cận các công việc đòi hỏi chuyên môn, kỹ năng và mang lại thu nhập ổn định.

Ví dụ: Ở Nghệ An, phần lớn lao động tập trung ở lĩnh vực nông nghiệp, nhưng số lượng việc làm đòi hỏi trình độ cao tại các khu công nghiệp lại không được lấp đầy do thiếu lao động có tay nghề.

- Kinh nghiệm làm việc

Ảnh hưởng: Kinh nghiệm giúp người lao động dễ dàng đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và giảm thời gian đào tạo. Người thiếu kinh nghiệm thường gặp khó khăn trong việc cạnh tranh, đặc biệt là với các ngành cần kỹ năng cụ thể.

Ví dụ: Lao động trẻ ở Nghệ An thường khó xin việc trong các khu công nghiệp do thiếu kinh nghiệm làm việc thực tế.

- *Thái độ làm việc*

Ảnh hưởng: Thái độ tích cực, trách nhiệm, và sự chăm chỉ giúp người lao động duy trì việc làm lâu dài và cơ hội thăng tiến. Thái độ làm việc kém có thể dẫn đến sa thải hoặc giảm khả năng tái tuyển dụng.

Ví dụ: Một số doanh nghiệp tại Nghệ An phàn nàn về tình trạng lao động nghỉ việc đột xuất hoặc không đảm bảo kỷ luật làm việc, làm giảm hiệu quả sản xuất.

- *Thông tin về thị trường lao động.*

Ảnh hưởng: Người lao động thiếu thông tin về cơ hội việc làm, ngành nghề phù hợp hoặc yêu cầu tuyển dụng sẽ bỏ lỡ các công việc tiềm năng.

Ví dụ: Tại các vùng sâu, vùng xa ở Nghệ An, nhiều lao động không nắm rõ thông tin về các khu công nghiệp, dẫn đến tình trạng thất nghiệp hoặc phải làm các công việc tạm bợ.

- *Sức khỏe*

Ảnh hưởng: Sức khỏe yếu ảnh hưởng đến khả năng làm việc, năng suất lao động và thậm chí làm mất cơ hội việc làm.

• Ví dụ: Một số ngành ở Nghệ An như xây dựng, khai thác khoáng sản yêu cầu sức khỏe tốt, khiến người lao động có sức khỏe kém khó đảm nhận công việc.

1.2.3.2. *Nhân tố khách quan*

- *Chính sách của Nhà Nước*

Ảnh hưởng: Chính sách hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, và phát triển kinh tế địa phương giúp tạo thêm cơ hội việc làm. Ngược lại, chính sách thiếu hiệu quả có thể khiến tình trạng thất nghiệp gia tăng.

Ví dụ: Chương trình hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp và đào tạo nghề ở Nghệ An đã giúp nhiều lao động có việc làm ổn định, nhưng cần mở rộng hơn đến các vùng khó khăn.

1.2.3.3. *Cơ sở hạ tầng*

Ảnh hưởng: Hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, và công nghệ thông tin ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư và tạo việc làm. Hạ tầng kém phát triển làm giảm cơ hội việc làm tại địa phương.

Ví dụ: Một số khu công nghiệp ở Nghệ An chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư do hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, khiến cơ hội việc làm bị hạn chế.

- Thị trường lao động

Ảnh hưởng: Nhu cầu tuyển dụng từ doanh nghiệp và xu hướng dịch chuyển lao động quyết định khả năng tìm việc. Thị trường lao động không cân đối dẫn đến thất nghiệp hoặc thừa lao động ở một số ngành.

Ví dụ: Nghệ An có lực lượng lao động dồi dào trong lĩnh vực nông nghiệp, nhưng nhu cầu lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ vẫn thiếu, dẫn đến tình trạng lệch pha cung - cầu.

- Tài nguyên thiên nhiên

Ảnh hưởng: Tài nguyên thiên nhiên phong phú tạo cơ hội việc làm trong các ngành như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, và khai khoáng. Tuy nhiên, nếu khai thác không bền vững, cơ hội việc làm trong dài hạn sẽ giảm.

Ví dụ: Nghệ An có tiềm năng lớn về thủy sản và khai thác đá, nhưng khai thác quá mức làm suy giảm tài nguyên và giảm cơ hội việc làm bền vững.

- Dịch bệnh

Ảnh hưởng: Dịch bệnh như COVID-19 khiến nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm lao động, giảm lương hoặc tạm ngừng hoạt động.

Ví dụ: Trong đợt dịch COVID-19, nhiều lao động Nghệ An phải quay về quê do mất việc tại các khu công nghiệp ở các tỉnh khác.

- Khí hậu, thời tiết

Ảnh hưởng: Khí hậu khắc nghiệt, thiên tai làm giảm năng suất lao động, phá hủy cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến các ngành phụ thuộc vào tự nhiên như nông nghiệp, thủy sản

Ví dụ: Các đợt bão lũ tại Nghệ An gây thiệt hại lớn cho nông nghiệp, làm giảm việc làm thời vụ và ảnh hưởng đến sinh kế của nhiều lao động.

Cả yếu tố chủ quan và khách quan đều có tác động mạnh mẽ đến vấn đề việc làm ở Nghệ An. Việc nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động cần song hành với cải thiện chính sách hỗ trợ, hạ tầng và phát triển thị trường lao động để giải quyết triệt để các thách thức.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở TỈNH NGHỆ AN

2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên của tỉnh Nghệ An

Nghệ An có điều kiện tự nhiên đa dạng và phong phú:

- Địa hình: Phần lớn là đồi núi, chiếm khoảng 85% diện tích. Địa hình chia thành 3 vùng chính: núi cao, đồi trung du và đồng bằng ven biển.

- Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa, có 4 mùa rõ rệt. Mùa hè nóng ẩm, mùa đông lạnh khô.

- Sông ngòi: Hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn như sông Lam.

- Tài nguyên: Phong phú, bao gồm khoáng sản, rừng, biển.

Đặc điểm nổi bật:

- Địa hình đa dạng: Tạo nên nhiều cảnh quan đẹp, từ núi non hùng vĩ đến biển cả mênh mông.

- Khí hậu thuận lợi: Tốt cho sản xuất nông nghiệp và du lịch.

- Tài nguyên phong phú: Là tiềm năng lớn cho phát triển kinh tế.

Ảnh hưởng đến đời sống:

- Nông nghiệp: Địa hình và khí hậu đa dạng tạo điều kiện phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi.

- Thủy sản: Vùng biển rộng lớn, giàu hải sản.

- Du lịch: Nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

- Giao thông: Địa hình đồi núi gây khó khăn cho giao thông.

2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An

Nghệ An là một tỉnh có vị trí địa lý quan trọng và tiềm năng phát triển lớn ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam. Dưới đây là một số nét chính về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh:

Điểm mạnh:

- Tài nguyên phong phú: Nghệ An sở hữu nhiều tài nguyên thiên nhiên quý giá như khoáng sản, rừng, biển, đất đai màu mỡ.

- Vị trí địa lý thuận lợi: Nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, có cảng biển, thuận lợi cho giao thương và phát triển kinh tế.

- Nguồn nhân lực dồi dào: Dân số đông, lao động năng động, sáng tạo.

- Di sản văn hóa phong phú: Nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh thu hút du khách.

Thách thức:

- Địa hình phức tạp: Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, gây khó khăn cho giao thông, phát triển hạ tầng.

- Tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức: Gây ra nhiều vấn đề về môi trường.

- Cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế: Đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm: Nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn, công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển mạnh.

Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội nổi bật:

- Nông nghiệp: Là ngành kinh tế truyền thống, đóng góp quan trọng vào GDP của tỉnh. Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gồm lúa, ngô, các loại cây ăn quả, thủy sản.

- Công nghiệp: Đang có sự chuyển dịch tích cực, tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến, vật liệu xây dựng, năng lượng.

- Dịch vụ: Phát triển khá nhanh, đặc biệt là du lịch.

- Xã hội: Tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống người dân được cải thiện. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn trong việc phát triển giáo dục, y tế ở một số vùng

Định hướng phát triển:

Nghệ An đang tập trung phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các lĩnh vực ưu tiên gồm:

- Công nghiệp: Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Nông nghiệp: Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Dịch vụ: Phát triển du lịch, thương mại, logistics.

- Hạ tầng: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, năng lượng, cấp nước.

2.2. Tình hình việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An

2.2.1. Biến động tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An trong những năm gần đây

Tình hình việc làm ở Nghệ An trong những năm gần đây đã có những biến động đáng kể, chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố như: sự phát triển của các khu công nghiệp, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dịch bệnh COVID-19 và các chính sách của nhà nước.

Những xu hướng chính:

- Tăng trưởng việc làm: Nhờ sự phát triển của các khu công nghiệp, dịch vụ và một số ngành sản xuất khác, nhu cầu tuyển dụng lao động tại Nghệ An tăng lên đáng kể.
- Thay đổi cơ cấu việc làm: Việc làm trong các ngành công nghiệp chế biến, dịch vụ, xây dựng ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn so với nông nghiệp.
- Nhu cầu về lao động có kỹ năng: Các doanh nghiệp ngày càng đòi hỏi lao động có trình độ, kỹ năng cao để đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện đại.
- Xu hướng làm việc tự do: Hình thức làm việc tự do, làm việc từ xa ngày càng phổ biến, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Những thách thức:

- Thiếu hụt lao động có kỹ năng cao: Mặc dù nguồn lao động dồi dào nhưng lao động có trình độ cao, kỹ năng chuyên môn còn hạn chế.
- Chênh lệch thu nhập giữa các khu vực: Thu nhập của lao động ở các khu công nghiệp thường cao hơn so với các ngành nghề khác, gây áp lực lên thị trường lao động.
- Ổn định việc làm: Nhiều lao động vẫn còn lo ngại về tính ổn định của việc làm, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Giải pháp:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đầu tư vào đào tạo nghề, nâng cao trình độ cho lao động, đặc biệt là lao động trẻ.
- Phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao: Thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp có tiềm năng phát triển, tạo ra nhiều việc làm chất lượng cao.
- Hỗ trợ doanh nghiệp: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuyển dụng và đào tạo lao động.
- Phát triển thị trường lao động: Xây dựng các sàn giao dịch việc làm, kết nối người lao động với nhà tuyển dụng.

2.2.2. Tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An trong tương quan so sánh với các tỉnh khác

Nghệ An, với vị trí địa lý thuận lợi và nguồn lao động dồi dào, đã có những bước phát triển đáng kể về thị trường lao động. Tuy nhiên, để đánh giá chính xác vị thế của Nghệ An so với các tỉnh khác, cần xem xét một số yếu tố sau:

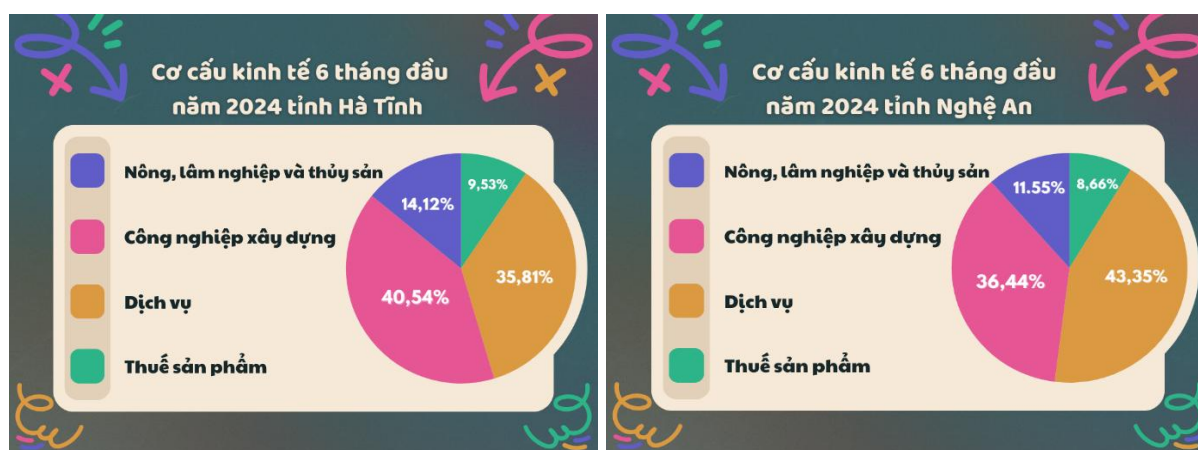
Điểm mạnh của Nghệ An:

- Nguồn lao động dồi dào: Nghệ An có dân số đông, lực lượng lao động trẻ, sẵn sàng làm việc.
- Tài nguyên thiên nhiên phong phú: Tiềm năng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, nông nghiệp, thủy sản.
- Vị trí địa lý thuận lợi: Nằm trên trục giao thông Bắc - Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và thu hút đầu tư.
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: Chính quyền địa phương có nhiều chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư, tạo việc làm.

Thách thức và so sánh với các tỉnh khác:

- Cơ cấu lao động: Tương tự nhiều tỉnh miền Trung, Nghệ An vẫn còn tình trạng lao động phổ thông nhiều hơn lao động có kỹ năng cao. So với các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, tỷ lệ lao động có trình độ đại học, cao đẳng còn thấp.
- Thu nhập: Mức thu nhập bình quân đầu người của người lao động Nghệ An thường thấp hơn so với các tỉnh phát triển mạnh về công nghiệp như Bình Dương, Bắc Ninh.
- Cơ hội việc làm: Mặc dù có nhiều khu công nghiệp, nhưng cơ hội việc làm chất lượng cao, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao, vẫn còn hạn chế so với một số tỉnh khác.
- Ổn định việc làm: Tình hình việc làm ở Nghệ An còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như biến động kinh tế, dịch bệnh, dẫn đến tình trạng thất nghiệp ở một số thời điểm.

❖ So sánh cơ cấu kinh tế 6 tháng đầu năm 2024 của Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh



Qua 2 biểu đồ trên về cơ cấu kinh tế 6 tháng đầu năm 2024 của Nghệ An và Hà Tĩnh, ta có thể thấy rằng:

- Về ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Hà Tĩnh chiếm 14,12% cao hơn, cho

thấy tỉnh Hà Tĩnh có sự tập trung cao vào nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản so với Nghệ An. Bởi vì Hà Tĩnh có nhiều vùng đất phù hợp cho sự phát triển nông nghiệp và thủy sản, đặc biệt ven biển và vùng đồi núi thấp như các huyện ven biển Kỳ Anh, Cẩm Xuyên phát triển mạnh nghề nuôi tôm, cá lồng bè,... Trong khi đó Nghệ An có diện tích lớn hơn nhưng đất đai nhiều nơi cằn cỗi, dẫn đến năng suất nông nghiệp chưa cao.

- Đối với ngành công nghiệp và xây dựng: Tỷ trọng ngành này ở Hà Tĩnh cao hơn đáng kể so với Nghệ An. Bởi vì, Hà Tĩnh có khu kinh tế trọng điểm quốc gia đó là Vũng Áng, nơi tập trung các dự án lớn như nhà máy thép Formosa, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng, cảng biển nước sâu Vũng Áng. Còn đối với Nghệ An dù là 1 tỉnh lớn nhưng công nghiệp chủ yếu tập trung ở các khu công nghiệp nhỏ như Bắc Vinh, Nam Cẩm giá trị gia tăng không cao.

- Đối với ngành dịch vụ: Nghệ An chiếm ưu thế đến 43,35% cao hơn so với Hà Tĩnh. Thành phố Vinh tỉnh Nghệ An là trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ, là trung tâm kinh tế, văn hóa – giáo dục của khu vực, thành phố Vinh có vai trò là hạt nhân thúc đẩy lĩnh vực dịch vụ. Nghệ An có lợi thế về du lịch như bãi biển Cửa Lò, quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, khu du lịch sinh thái Pù Mát, Vinwonders Cửa Hội,... góp phần rất lớn đối với cơ cấu kinh tế dịch vụ của tỉnh.

- Đối với thuế sản phẩm: Hà Tĩnh có thuế sản phẩm cao hơn Nghệ An bởi vì nhờ xuất khẩu từ cảng biển Vũng Áng đã góp phần không nhỏ vào thuế sản phẩm cũng như nhờ có các khu công nghiệp nhà máy lớn mang lại nguồn thu thuế lớn cho Hà Tĩnh

Tổng kết:

- Nghệ An có lợi thế vượt trội về mặt dịch vụ nhờ dân số đông, trung tâm đô thị lớn và du lịch phát triển. Vì vậy, Nghệ An phát triển cân bằng hơn, với trọng tâm phát triển mạnh vào dịch vụ, phù hợp với vai trò là trung tâm vùng Bắc Trung Bộ

- Hà Tĩnh lại thiên về phát triển mạnh công nghiệp và nông nghiệp nhờ vào đặc điểm địa hình phù hợp

⇒ Qua đó chúng ta có thể thấy nhờ có tỷ trọng cao về dịch vụ nó đã giúp tạo ra nhiều việc làm hơn đặc biệt đối với nhiều lao động phổ thông. Nhưng bên cạnh đó cũng có một số hạn chế nhất định đối với những lao động kỹ thuật có tay nghề cao trong lĩnh vực công nghiệp buộc phải tìm việc ở các tỉnh khác hoặc nước ngoài bởi vì công nghiệp Nghệ An chưa phát triển mạnh, trong xây dựng thì không tạo được sự đột phá khiến nó

không đủ hấp dẫn để giữ chân người lao động có kỹ thuật cao. Giảm tỷ trọng nông nghiệp đã đẩy lao động nông thôn vào tình thế thiếu việc làm tại địa phương.

Xu hướng phát triển:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đầu tư vào đào tạo nghề, phát triển các trường đại học, cao đẳng.

- Thu hút đầu tư: Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp lớn đến đầu tư.

- Phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao: Giảm thiểu sự phụ thuộc vào các ngành công nghiệp truyền thống.

- Phát triển du lịch: Khai thác tiềm năng du lịch để tạo thêm việc làm.

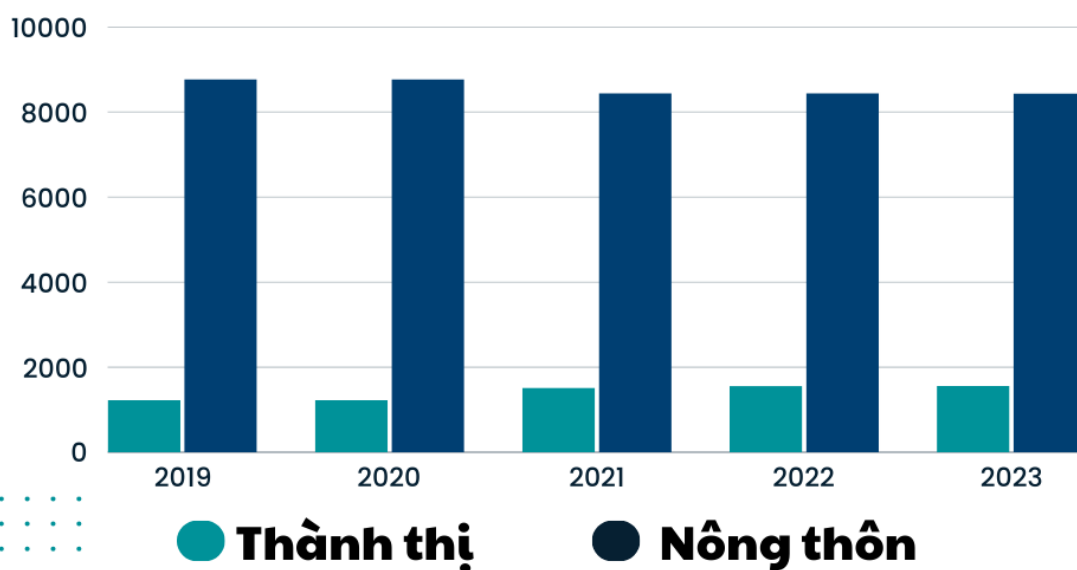
2.2.3. Tình hình việc làm của lao động trẻ tỉnh Nghệ An

Thị trường lao động Nghệ An trong những năm gần đây chứng kiến những biến động đáng kể, đặc biệt là đối với lực lượng lao động trẻ. Biểu đồ dưới đây sẽ giúp chúng ta hình dung rõ hơn về những chuyển biến này.

Đầu tiên là biểu đồ về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo khu vực thành thị và nông thôn từ năm 2019 – 2023.

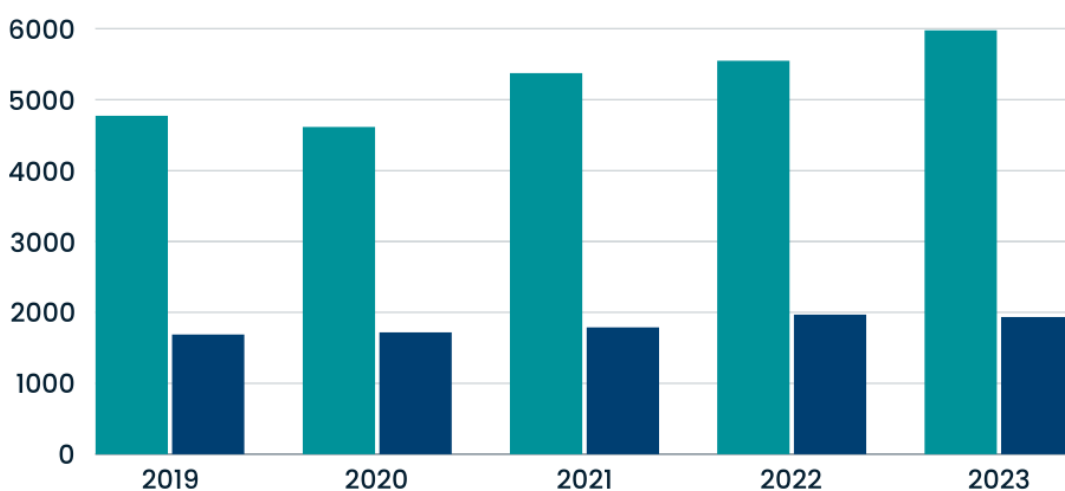
LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Cơ cấu - Structure (%)



Biểu đồ cho thấy số lượng lao động cả ở thành thị và nông thôn có xu hướng ổn định trong giai đoạn từ năm 2019 - 2023. Không có sự biến động quá lớn về quy mô lực lượng lao động trong khoảng thời gian này. Số lượng lao động ở khu vực nông thôn luôn cao hơn đáng kể so với khu vực thành thị. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của nông nghiệp và các ngành nghề liên quan đến nông thôn trong việc tạo việc làm. Nhưng theo như biểu đồ thì ta có thể thấy xu hướng dịch chuyển từ nông thôn ra thành thị, một xu hướng phổ biến trong quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Điều này có thể là do sự phát triển của các khu công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng ở khu vực thành thị, thu hút một lượng lớn lao động từ nông thôn.

TỶ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐÃ QUA ĐÀO TẠO PHÂN CHIA THEO KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ



Thành thị



Nông thôn

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với nhóm lao động trẻ từ 15 tuổi trở lên, đóng vai trò vô cùng quan trọng. Đào tạo không chỉ trang bị

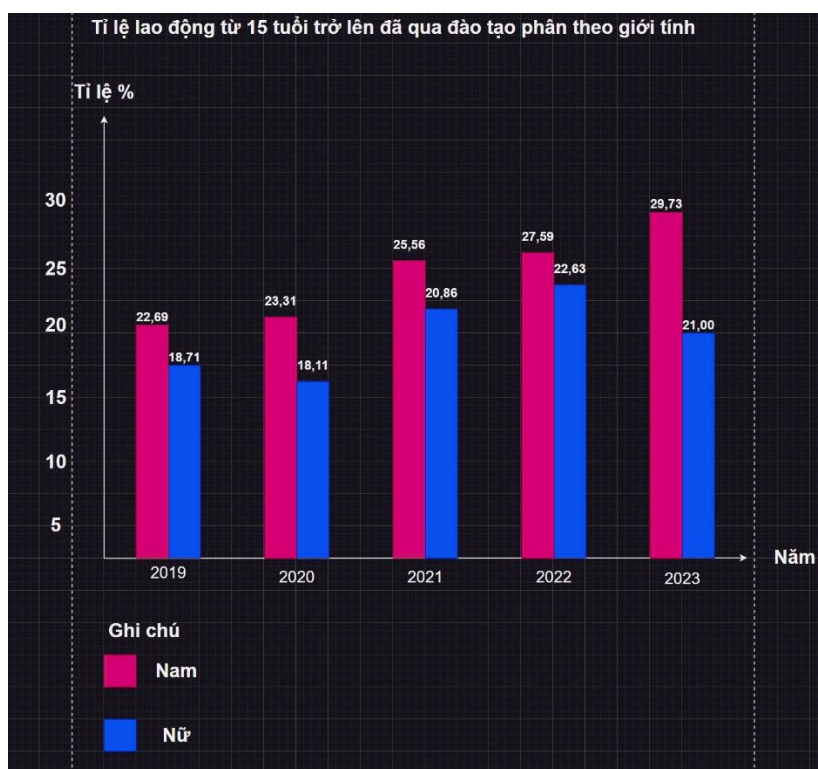
cho người lao động những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động mà còn góp phần nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Dựa vào biểu đồ cột trên ta có thể thấy xu hướng tăng trưởng chung. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo ở cả khu vực thành thị và nông thôn đều có xu hướng tăng qua các năm từ 2019 đến 2023.

Sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn:

- Thành thị: Luôn duy trì tỷ lệ lao động đã qua đào tạo cao hơn so với nông thôn. Điều này có thể giải thích bởi cơ hội tiếp cận giáo dục, đào tạo và các dịch vụ xã hội ở thành thị thường tốt hơn.

- Nông thôn: Mặc dù có sự tăng trưởng nhưng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo vẫn còn thấp so với thành thị. Điều này cho thấy còn nhiều khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục và đào tạo ở khu vực nông thôn.



Dựa vào biểu đồ cột tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo phân theo giới tính ta có thể thấy rằng:

- ❖ **Tăng trưởng chung:** Cả nam và nữ đều ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể về tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trong giai đoạn 2019-2023.

- **Nam giới:** Tăng từ 22,69% lên 29,73%, tương đương mức tăng 7,04%.

- **Nữ giới:** Tăng từ 18,71% lên 21%, tương đương mức tăng 2,29%.

❖ **Khoảng cách giới:**

- **Năm 2019:** Khoảng cách giữa tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của nam và nữ là 3,98% (22,69% - 18,71%).

- **Năm 2023:** Khoảng cách giảm xuống còn 8,73% (29,73% - 21%).

⇒ **Nhận xét:** Mặc dù vẫn tồn tại khoảng cách, nhưng tốc độ tăng trưởng của nữ giới cao hơn nam giới cho thấy sự thu hẹp dần khoảng cách giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Tình hình việc làm của lao động trẻ Nghệ An trong những năm gần đây đang có những biến chuyển đáng kể, chịu tác động từ nhiều yếu tố như: sự phát triển của các khu công nghiệp, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự hội nhập quốc tế.

- Nhu cầu về lao động có kỹ năng ngày càng cao: Sự phát triển của các khu công nghiệp và dịch vụ đòi hỏi nguồn lao động trẻ phải trang bị những kỹ năng chuyên môn phù hợp.

- Xu hướng khởi nghiệp: Ngày càng nhiều bạn trẻ Nghệ An lựa chọn con đường khởi nghiệp, tạo ra việc làm cho bản thân và cộng đồng.

- Áp lực cạnh tranh: Thị trường lao động ngày càng cạnh tranh, đòi hỏi lao động trẻ phải không ngừng học hỏi và nâng cao năng lực.

Thách thức và cơ hội:

- Thiếu hụt lao động có kỹ năng cao: Mặc dù nguồn lao động dồi dào nhưng lao động trẻ có trình độ cao, kỹ năng chuyên môn còn hạn chế.

- Chênh lệch thu nhập: Thu nhập của lao động trẻ ở các khu công nghiệp thường cao hơn so với các ngành nghề khác, gây áp lực lên thị trường lao động.

- Ổn định việc làm: Nhiều lao động trẻ vẫn còn lo ngại về tính ổn định của việc làm, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Cơ hội:

- Phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao: Tạo ra nhiều việc làm chất lượng cao, thu nhập ổn định cho lao động trẻ.

- Phát triển du lịch: Khai thác tiềm năng du lịch để tạo thêm việc làm.

- Khởi nghiệp: Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, tạo điều kiện cho các bạn trẻ thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình.

Giải pháp:

- Nâng cao chất lượng đào tạo: Cải thiện chất lượng đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

- Phát triển các trung tâm đào tạo nghề: Đào tạo các kỹ năng thực hành, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào thị trường lao động.

- Hỗ trợ khởi nghiệp: Tạo điều kiện về vốn, cơ sở vật chất, cung cấp thông tin, tư vấn cho các bạn trẻ khởi nghiệp.

- Xây dựng các sàn giao dịch việc làm: Kết nối người lao động trẻ với các doanh nghiệp

2.2.4. Tình hình việc làm của lao động các dân tộc thiểu số ở tỉnh Nghệ An

Tình hình việc làm của đồng bào dân tộc thiểu số ở Nghệ An đang đối mặt với nhiều thách thức, đồng thời cũng có những cơ hội mới.

Thách thức:

- Hạn chế về trình độ: Phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp, kỹ năng nghề nghiệp còn hạn chế, khó đáp ứng yêu cầu của nhiều ngành nghề.

- Địa hình, khí hậu: Vùng đồng bào dân tộc thiểu số thường có địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, hạn chế phát triển các ngành nghề, dịch vụ.

- Thiếu thông tin: Nhiều đồng bào chưa được tiếp cận đầy đủ thông tin về thị trường lao động, các cơ hội việc làm.

- Giao thông, hạ tầng: Hệ thống giao thông, hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế, gây khó khăn cho việc đi lại, tìm kiếm việc làm.

- Bảo tồn văn hóa: Áp lực bảo tồn văn hóa truyền thống đôi khi khiến một số thanh niên dân tộc thiểu số không muốn rời xa bản làng để đi làm ở nơi khác.

Cơ hội:

- Chính sách ưu đãi: Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho họ tiếp cận việc làm, nâng cao đời sống.

- Phát triển du lịch: Du lịch cộng đồng là một hướng đi mới, tạo ra nhiều việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khai thác tài nguyên địa phương: Phát triển các ngành nghề thủ công mỹ nghệ, nông lâm nghiệp, phù hợp với điều kiện tự nhiên và văn hóa của từng dân tộc.

Giải pháp:

- Nâng cao chất lượng giáo dục: Đầu tư vào giáo dục, đào tạo nghề cho đồng

bào dân tộc thiểu số, trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng cần thiết để hòa nhập với thị trường lao động.

- Phát triển hạ tầng: Đầu tư xây dựng đường sá, cầu cống, điện, nước... để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và sản xuất.

- Hỗ trợ khởi nghiệp: Tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số khởi nghiệp, phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

- Tuyên truyền, hỗ trợ thông tin: Tăng cường tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ, các cơ hội việc làm, giúp đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin một cách dễ dàng.

- Phát triển du lịch cộng đồng: Khuyến khích các hình thức du lịch cộng đồng, giúp đồng bào dân tộc thiểu số bảo tồn văn hóa và tăng thu nhập.

2.3. Đánh giá tình hình giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Nghệ An

2.3.1. Những kết quả đạt được trong giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Nghệ An

Trong những năm gần đây nhằm thúc đẩy thị trường lao động, tỉnh Nghệ An đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Một số thành tựu nổi bật bao gồm:

- Tạo việc làm trong nước và xuất khẩu lao động:

Năm 2023, Nghệ An đã giải quyết việc làm cho 47.919 lao động, vượt 111,44% so với kế hoạch. Trong đó, hơn 25.000 lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài, tập trung vào các thị trường như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, và một số nước Đông Âu. Đây là một bước tiến quan trọng, đặc biệt đối với các huyện miền núi như Tương Dương và Quỳnh Châu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Tỉnh đã tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 70,1%, với 28,6% lao động có bằng cấp hoặc chứng chỉ. Điều này giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động cả trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ lao động tìm việc làm:

Tính đến tháng 9 năm 2024, Nghệ An đã giải quyết việc làm cho 41.500 người, đạt gần 88,3% kế hoạch năm. Các chính sách hỗ trợ, như vay vốn và đào tạo nghề, được triển khai đồng bộ để khuyến khích lao động tham gia các chương trình xuất khẩu và chuyển đổi nghề nghiệp.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động:

Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp giảm, trong khi tỷ lệ trong công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng lên, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Nghệ An

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, công tác giải quyết việc làm cho lao động ở Nghệ An vẫn còn tồn tại một số hạn chế, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

- Hạn chế trong giải quyết việc làm

+ Chất lượng và cơ cấu việc làm chưa bền vững

+ Nhiều lao động vẫn làm các công việc tạm thời, không ổn định, thu nhập thấp và không đảm bảo chế độ bảo hiểm xã hội.

+ Cơ cấu việc làm tập trung nhiều ở lĩnh vực nông nghiệp, trong khi các ngành công nghiệp và dịch vụ chưa tạo được sức hút lớn.

- Thị trường lao động còn bất cập

+ Cung và cầu lao động chưa cân đối, lao động phổ thông dư thừa, trong khi lao động có tay nghề cao hoặc chuyên môn lại thiếu hụt.

+ Việc kết nối giữa doanh nghiệp và người lao động còn yếu, dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp tiềm ẩn.

- Hiệu quả xuất khẩu lao động chưa đồng đều

+ Mặc dù số lượng lao động xuất khẩu lớn, nhưng chủ yếu là các công việc đơn giản, chưa đòi hỏi tay nghề cao.

+ Nhiều lao động di cư tự phát hoặc làm việc ở nước ngoài không chính thức, dẫn đến rủi ro về pháp lý và quyền lợi.

- Chất lượng đào tạo nghề còn hạn chế

+ Các chương trình đào tạo nghề chưa thực sự gắn kết với nhu cầu thị trường.

+ Cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên ở một số trung tâm đào tạo nghề còn thiếu và yếu.

- Tỷ lệ thất nghiệp tại vùng nông thôn và miền núi cao

+ Các huyện miền núi như Kỳ Sơn, Tương Dương còn nhiều khó khăn trong tạo việc làm, tỷ lệ hộ nghèo và thất nghiệp cao hơn so với trung bình toàn tỉnh.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở TỈNH NGHỆ AN

3.1. Dự báo tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới

Với những giải pháp trên, tình hình việc làm ở tỉnh Nghệ An sẽ có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên quá trình này sẽ gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Để đạt được kết quả tốt nhất, cần có sự phối hợp chặt chẽ, sự quan tâm giữa các cấp chính quyền, doanh nghiệp và người dân ở trên địa bàn tỉnh.

- Cơ cấu lao động chuyển dịch
- + Tỷ trọng lao động Nông nghiệp giảm dần
- + Tỷ trọng lao động Công Nghiệp tăng lên
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo
- Thu nhập của người dân tăng
- Chất lượng cuộc sống được cải thiện

3.2. Các nhóm giải pháp tăng cường giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Nghệ An

3.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lực lao động ở tỉnh Nghệ An.

- Đào tạo và đào tạo lại cho đúng hướng

Việc đào tạo và đào tạo lại chính xác hướng sẽ cải thiện kỹ năng và kiến thức của lực lượng lao động để phù hợp với nhu cầu thị trường. Điều này có thể bao gồm các công việc khảo sát doanh nghiệp để biết kỹ năng nào đang thiếu và điều chỉnh chương trình để đáp ứng.

- Đào tạo ngắn hạn

Đào tạo ngắn hạn rất phù hợp với những người lao động muốn nâng cao kỹ năng một cách nhanh chóng trong, thời gian ít bị ảnh hưởng đến công việc chính. Các khóa học này cần được tổ chức linh hoạt cả trực tuyến để có thể tiếp được nhiều kiến thức.

- Liên kết đào tạo với doanh nghiệp

Mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp là thiết yếu. Doanh nghiệp có thể cung cấp phản hồi về chương trình đào tạo, từ đó cơ sở đào tạo điều chỉnh nội dung

cho phù hợp. Hợp tác này cũng giúp sinh viên có cơ hội thực tập và áp dụng kiến thức thực tế, sản phẩm đào tạo sẽ chất lượng hơn.

- Hỗ trợ các bạn trẻ khởi nghiệp

Khởi nghiệp là một phần quan trọng trong việc tạo ra việc làm và tăng trưởng kinh tế. Việc thiết lập quỹ khởi nghiệp, tổ chức các diễn đàn, và đào tạo về khởi nghiệp sẽ giúp trang bị cho thanh niên những công cụ và kiến thức cần thiết để khởi nghiệp thành công. Sự hỗ trợ này không chỉ tài chính mà còn về mặt tư vấn để giúp chúng ta làm việc một cách hiệu quả.

- Đào tạo kỹ năng mềm cho người lao động

Kỹ năng mềm rất quan trọng trong môi trường làm việc hiện đại. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm, như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, sẽ giúp nâng cao hiệu suất làm việc của mỗi người và giúp người lao động hòa nhập tốt hơn vào môi trường làm việc.

- Bảo vệ quyền lợi cho người lao động

Bảo vệ quyền lợi lao động sẽ tạo ra môi trường làm việc lành mạnh và công bằng, còn tạo nên sự tin tưởng cho người lao động. Việc thông tin về quyền lợi lao động, thiết lập hỗ trợ và kiểm tra định kỳ sẽ giúp đảm bảo rằng người lao động biết và được bảo vệ quyền lợi của mình, từ đó tạo động lực cho họ làm việc ngày một tốt hơn.

3.2.2. Nhóm giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Trợ cấp hoặc giảm thuế đối với giá nguyên vật liệu

Việc giảm thuế hoặc trợ cấp trực tiếp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ góp phần làm giảm chi phí sản xuất, giúp họ có thể cạnh tranh hơn trên thị trường. Đây là giải pháp cần thiết trong bối cảnh giá nguyên vật liệu thường xuyên biến động.

- Hỗ trợ vốn

Nguồn vốn là yếu tố quan trọng để doanh nghiệp phát triển. Việc hỗ trợ vốn thông qua các chương trình vay ưu đãi hoặc tạo quỹ đầu tư sẽ giúp doanh nghiệp nhỏ vượt qua khó khăn tài chính và đầu tư vào phát triển sản xuất, tạo ra việc làm.

- Tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất

Đơn giản hóa thủ tục cấp phép và giảm bớt rào cản hành chính sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng khởi nghiệp và mở rộng hoạt động sản xuất. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng hạ tầng cũng cần thiết để đảm bảo môi trường sản xuất thuận lợi.

- Hỗ trợ phát triển mọi thành phần kinh tế và tăng cường vốn đầu tư nước ngoài
Việc đa dạng hóa thành phần kinh tế và khuyến khích đầu tư nước ngoài sẽ tạo ra sự cạnh tranh và cải cách mạnh mẽ trong nền kinh tế. Thúc đẩy sự đa dạng trong kinh tế sẽ giúp tăng trưởng bền vững và giảm rủi ro cho hệ thống kinh tế địa phương.

3.2.3. Nhóm giải pháp đối với nông nghiệp .

- Áp dụng công nghệ cao

Áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp có thể giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Việc hỗ trợ nông dân trong việc trang bị công nghệ và đào tạo cách sử dụng công nghệ mới là thiết yếu để hiện đại hóa ngành nông nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ

Nông nghiệp hữu cơ không chỉ đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm mà còn mang lại giá trị cao cho sản phẩm. Việc hỗ trợ nông dân chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ thông qua đào tạo và cấp chứng nhận sẽ tăng cường sự phát triển nông nghiệp bền vững.

- Xây dựng các chuỗi giá trị liên kết sản xuất với tiêu thụ, tạo ra sản phẩm đặc trưng của địa phương

Việc xây dựng chuỗi giá trị giúp tạo ra sự kết nối tốt giữa nông dân và thị trường, từ đó gia tăng giá trị sản phẩm. Hợp tác giữa các bên liên quan như nông dân, doanh nghiệp chế biến, nhà tiêu thụ cần được thúc đẩy để tối ưu hóa quá trình sản xuất và tăng mức độ tiêu thụ.

- Hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường

Giúp nông dân tiếp cận các thị trường tiêu thụ qua hội chợ và triển lãm sẽ nâng cao cơ hội tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng nền tảng giao dịch điện tử cũng là cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu và bán sản phẩm nông sản của mình.

- Phát triển các sản phẩm OCOP

OCOP là tên viết tắt của cụm từ tiếng anh “One Commune One Product” - Tiếng Việt: “Mỗi xã một sản phẩm”

Chương trình OCOP không chỉ tạo ra giá trị cho từng sản phẩm đặc trưng mà còn góp phần vào việc phát triển kinh tế địa phương. Việc hướng dẫn nông dân áp dụng tiêu chí OCOP sẽ giúp sản phẩm của họ được thị trường chấp nhận hơn, đồng thời tăng cường thương hiệu sản phẩm địa phương.

Ví dụ ở Nghệ An các sản phẩm OCOP đang vươn ra thị trường trong nước và quốc tế với hơn 400 sản phẩm

3.2.4. Nhóm giải pháp đối với Công nghiệp, Dịch vụ

- Thu hút đầu tư tạo môi trường đầu tư thuận lợi

Việc thu hút đầu tư cần đi đôi với việc cải thiện cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý và hành chính. Đặc biệt, cần xây dựng các chính sách ưu đãi thuế và hỗ trợ doanh nghiệp để tạo sự hấp dẫn với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tăng cường sự minh bạch và công khai thông tin về các dự án sẽ giúp củng cố niềm tin của nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ.

- Phát triển các ngành nghề truyền thống: Bảo tồn và phát triển các ngành thủ công mỹ nghệ, làng nghề truyền thống.

Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống không chỉ giữ gìn bản sắc văn hóa mà còn tạo thêm công ăn việc làm cho người dân địa phương. Cần tổ chức các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề, cung cấp vốn vay ưu đãi để các hộ sản xuất cải tiến kỹ thuật và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, tăng cường quảng bá và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề trên thị trường quốc tế nhằm nâng cao giá trị kinh tế.

- Khuyến khích phát triển du lịch: Phát triển các điểm di tích lịch sử, các khu vực có tiềm năng làm du lịch

Phát triển du lịch cần tập trung vào việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, đồng thời đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ du khách. Các chương trình quảng bá du lịch, tổ chức sự kiện văn hóa, lễ hội truyền thống sẽ góp phần thu hút khách tham quan. Ngoài ra, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp cũng là yếu tố quan trọng để phát triển du lịch bền vững.

- Khuyến khích các hoạt động thương mại điện tử, dịch vụ trực tuyến

Thương mại điện tử đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường và kết nối người tiêu dùng với doanh nghiệp. Cần đẩy mạnh công tác đào tạo về công nghệ thông tin và kỹ năng số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống thanh toán trực tuyến an toàn và nâng cao khả năng tiếp cận các nền tảng thương mại điện tử lớn sẽ thúc đẩy sự phát triển của dịch vụ trực tuyến.

3.2.5. Giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động

- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về các chính sách, chương trình hỗ trợ của nhà nước đến người dân.

Việc phổ biến thông tin cần được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như truyền thông, mạng xã hội, và các buổi họp mặt cộng đồng. Thông tin về chính sách, chương trình hỗ trợ của nhà nước phải được cập nhật liên tục, đảm bảo người dân dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ. Điều này không chỉ giúp người dân nắm bắt được quyền lợi mà còn tạo sự đồng thuận và ủng hộ trong việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội

- Tuyên truyền về tầm quan trọng của việc học nghề và rèn nghề

Cần đẩy mạnh công tác giáo dục và truyền thông về lợi ích của việc học nghề, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và đối tượng thanh niên. Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm hướng nghiệp tại các trường học, địa phương nhằm nâng cao nhận thức của người dân. Khuyến khích các doanh nghiệp phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo thực hành, giúp người học nhanh chóng thích nghi và đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động.

C. KẾT LUẬN

Việc làm tại Nghệ An hiện nay đang đối mặt với nhiều thách thức, thể hiện rõ qua tình trạng thiếu việc làm ổn định và chất lượng việc làm chưa cao. Nguyên nhân sâu xa nằm ở sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế còn chậm, thiếu doanh nghiệp lớn đầu tư và nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động hiện đại.

Để giải quyết vấn đề này, cần có sự đồng lòng và nỗ lực từ tất cả các bên. Nhà nước cần tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư, đồng thời tăng cường đầu tư vào giáo dục và đào tạo nghề. Doanh nghiệp cần chủ động liên kết với các cơ sở đào tạo để tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao và có chính sách đãi ngộ hấp dẫn để giữ chân người tài. Về phía người lao động, việc nâng cao kỹ năng, tự học hỏi và thích ứng với sự thay đổi của thị trường là vô cùng quan trọng.

Với sự chung tay của cả cộng đồng, chúng ta tin rằng vấn đề việc làm tại Nghệ An sẽ được cải thiện đáng kể. Một thị trường lao động năng động và hiệu quả sẽ không chỉ góp phần nâng cao đời sống người dân mà còn thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, đưa Nghệ An trở thành một địa phương giàu mạnh và văn minh.

D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu

- Tổng Văn Bằng (2020) *Vấn đề lao động Việt Nam làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Hiệp định hợp tác lao động giữa Việt Nam và các nước*, trường Đại học Luật Hà Nội.

<https://luanvanpdf.com/van-de-lao-dong-viet-nam-lam-viec-co-thoi-han-o-nuoc-ngoai-theo-hiep-dinh-hop-tac-lao-dong-giua-viet-nam-va-cac-nuoc/>

- Bùi Tôn Hiến (2009) *Nghiên cứu việc làm của lao động qua đào tạo nghề ở Việt Nam*, trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

https://www.neu.edu.vn/data/CacPhongBan/VienSDH/LA_BuiTonHien.pdf

- <https://ldtbxh.nghean.gov.vn/trien-khai-de-an-06-cua-chinh-phu/trung-tam-dich-vu-viec-lam-nghe-an-no-luc-tim-kiem-viec-lam-ho-tro-hoc-nghe-cho-nguoi-lao-dong-t-665230>

- Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội (2024), *tạp chí Lao động và Xã hội về vấn đề việc làm tỉnh Nghệ An 2024*, nxb Nghệ An.

<https://daibieunhandan.vn/nghe-an-khoang-41500-nguoi-duoc-giai-quyet-viec-lam-post394381.html>

- Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam (2024) *Báo cáo giải pháp khắc phục tình trạng các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp tỉnh Nghệ An đang thiếu lao động*, Công Đoàn tỉnh Nghệ An.

<http://laodongnghean.vn/chi-tiet/giai-phap-khac-phuc-tinh-trang-cac-nha-may-xi-nghiep-khu-cong-nghiep-tinh-nghe-an-dang-thieu-lao-dong>

- <http://www.nghean.vn/kinh-te/gdp-quy-ii-2024-tang-truong-cao-uoc-dat-6-93-663824#:~:text=V%E1%BB%81%20c%C6%A1%20c%E1%BA%A5u%20n%E1%BB%81n%20kinh,10%25%3B%208%2C80%25>

- <https://hatinh.gov.vn/chi-dao-dieu-hanh/tin-bai/19906/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-ii-va-6-thang-dau-nam-2024>

- <https://thongke.nghean.gov.vn/1-phuong-phap-thong-ke-nam-2023>

- https://thongke.nghean.gov.vn/3-so-lieu-thong-ke-nam-2023/dan-so-va-lao-dong-694914?fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTAAAR0WdkWQ5e9I-ga1BCAzqG_bIHuHQWJYOBAAqSKsQK5fWsotBOYUU6uQsIc_aem